KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG 9 THÁNG NĂM 2023

TT	Đơn vị	Kế hoạch các chỉ tiêu Lâm nghiệp năm 2023					Thực hiện đến ngày 19/9/2023							Ghi chú
		Tổng	TR tập trung	Khoanh nuôi, tái sinh tự nhiên	Nông lâm kết hợp	Trồng cây phân tán (cây)	Tổng	TR tập trung	Khoanh nuôi, tái sinh tự nhiên			Nông lâm kết hợp	Trồng cây phân tán (cây)	
									Tổng	Chuyển tiếp	Mới			
	Tổng	**970,0**	**150,0**	**690,0**	**130,0**	**94.495**	**905,37**	**175,37**	**690,0**	**588,7**	**101,3**	**40,0**	**95.450**	
I	**Công ty, đơn vị**	**516,0**	**125,0**	**296,0**	**95,0**	**-**	**418,7**	**120,7**	**296,0**	**248,7**	**47,3**	**2,0**	**-**	
1	Huyện đội	-					-							
2	Công an huyện	-					-							
3	Công ty TNHH Bảo lâm	-	-				70,0	**70,00**						
	Xã Tân Thành (TK 1275)						45,0	45,00						
	Xã Quảng Phú	-					20,0	*20,00*						
	Xã Đức Xuyên	-					5,0	*5,00*						
4	Khu BTTN Nam Nung	101,0		76,0	25,0		78,0		76,0	40,7	35,3	2,0		Người dân tự trồng cây Mắc ca
5	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	80,0		80,0			120,0	40,00	80,0	80,0				
6	Cộng đồng thôn Phú Lợi	52,0		12,0	40,0		12,0		12,0	12,0				NLKH theo QĐ 2250/QĐ-UBND
7	Cộng đồng Bon Choih	54,0		24,0	30,0		24,0		24,0	24,0				
8	Công ty TNHH MTV Nam Nung	52,0	5,00	47,0			56,5	9,47	47,0	35,0	12,0			
9	Công ty Quốc Việt	-					1,2	1,20	-					
10	Công ty MJ Việt Nam	120,0	120,0				-		-					
11	Công ty Phú Gia Phát	57,0		57,0			57,0		57,0	57,0				
II	**Trồng rừng trong nhân dân**	**454,0**	**25,0**	**394,0**	**35,0**	**94.495**	**486,7**	**54,70**	**394,0**	**340,0**	**54,0**	**38,0**	**95.450**	
1	-TT.Đăk Mâm	-				8.375	-						4.350	
2	-Đăk Sôr	-				4.120	-		-				4.350	
3	-Đăk Drô	10,0		10,0		12.275	17,2	7,20	10,0	10,0			12.280	
4	-Nâm Nung	5,0			5,0	6.583	-		-				6.590	
5	-Nâm N'Dir	-				7.113	5,7	2,70	-			3,0	7.140	
6	-Đăk Nang	60,0		50,0	10,0	2.268	65,0		50,0	50,0		15,0	3.000	
7	-Tân Thành	-				27.408	-		-				27.445	
8	-Nam Xuân	-				8.513	-		-				1.160	
9	-Buôn Choăh	179,0	5,0	164,0	10,0	1.838	182,5	8,47	164,0	110,0	54,0	10,0	1.840	
10	-Đức Xuyên	20,0	-	10,0	10,0	2.000	34,3	14,25	10,0	10,0		10,0	2.500	
11	-Quảng Phú	150,0	20,0	130,0	-	6.776	150,7	20,70	130,0	130,0			17.245	
12	-Nam Đà	30,0		30,0		7.226	31,4	1,38	30,0	30,0			7.550	
III	**Độ che phủ rừng (kể cả diện tích cao su và điều ngoài QH 3 loại rừng)**	**36,5**												
IV	**Chỉ tiêu bảo vệ rừng**													
1	Số vụ phá rừng	Giảm 50% số vụ phá rừng so với năm 2022											1	
2	Diện tích rừng bị phá	Giảm 50% diện tích rừng bị phá so với năm 2022											0,04	
	Đạt, không đạt theo NQ 11	**Đạt**												